

BIỆN PHÁP TÂM LÝ - SỰ PHẠM ĐỂ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CHO GIÁNG VIÊN KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN Ở TRƯỜNG SĨ QUAN QUÂN ĐỘI

ĐỒNG BÁ TUẤN

Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

Nhận bài ngày 08/01/2022. Sửa chữa xong 06/02/2022. Duyệt đăng 08/02/2022.

Abstract

Scientific research is one of two essential tasks at military colleges, of which, lecturers play a key role. Therefore, fostering scientific research skills for lecturers of Social Sciences and Humanities in military colleges is an indispensable and objective requirement in the education - training and building a contingent of teachers. Enhanced scientific research skills help lecturers of Social Sciences and Humanities quickly respond to standardization requirements, making a valuable contribution to improving the quality of teaching and scientific research of military colleges.

Keywords: Measures, scientific research, skills, lecturers. social sciences and humanities, military colleges.

1. Đặt vấn đề

Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) là một trong những chức năng, nhiệm vụ cơ bản, có tầm quan trọng đặc biệt, cùng với hoạt động giảng dạy trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, tạo nên vị thế và uy tín cho các trường sĩ quan quân đội (SQQĐ). Trong đó, giảng viên (GV) khoa học xã hội và nhân văn (KHXH&NV) tham gia tích cực các hoạt động NCKH là một trong những biện pháp hiệu quả, đáp ứng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ ngày càng cao của nhà trường. Để hoạt động NCKH đạt được kết quả tốt, có tính ứng dụng vào thực tiễn cao, đòi hỏi GV KHXH&NV cần có kỹ năng NCKH phát triển ở mức độ nhất định. Từ vị trí, tầm quan trọng của vấn đề và xuất phát từ thực trạng kỹ năng NCKH của GV KHXH&NV, bài viết đề xuất các biện pháp tâm lý - sư phạm bồi dưỡng kỹ năng NCKH cho GV KHXH&NV ở các trường SQQĐ hiện nay. Từ vị trí, tầm quan trọng của vấn đề và xuất phát từ thực trạng kỹ năng NCKH của GV KHXH&NV, đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ phải có biện pháp tâm lý - sư phạm cụ thể để phát triển kỹ năng NCKH cho GV KHXH&NV. Phát triển kỹ năng NCKH của GV KHXH&NV cũng là một trong hai nhiệm vụ cơ bản xuyên suốt của GV, liên quan trực tiếp tới hoạt động giảng dạy của GV, do đó, kỹ năng này phát triển sẽ bổ sung, hỗ trợ cho nhiệm vụ giảng dạy của GV.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát lý luận và công tác NCKH của GV KHXH&NV ở trường SQQĐ

Để hiện thực hóa được chủ trương, quan điểm của Đảng ta trong lĩnh vực phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ giai đoạn hiện nay, đó là: "Phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu, là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh" [1, tr. 119-120], các trường SQQĐ cần tổ chức, huy động sức mạnh tổng hợp của nhiều lực lượng, trong đó có đội ngũ GV nói chung, nhất là GV KHXH&NV cần hội tụ đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực, phong cách

Email: dongtuank11hvct@gmail.com

và uy tín; đây là lực lượng quan trọng góp phần đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy và NCKH ở các trường SQQĐ.

NCKH là hoạt động nhận thức mang tính sáng tạo của con người giúp khám phá bản chất, quy luật của thế giới khách quan và tìm ra các giải pháp để cải tạo thế giới khách quan, phục vụ đời sống con người, đó là "Hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn" [2, tr. 2]. Bởi vậy, hoạt động này đòi hỏi người thực hiện phải thành thạo về những kỹ năng NCKH cơ bản, bao gồm những phương pháp, cách thức nghiên cứu, với nhiều mức độ và phải tiến hành một cách thành thạo. Kỹ năng NCKH của GV KHXH&NV ở các trường SQQĐ được chia thành bốn nhóm cơ bản sau: kỹ năng chuẩn bị NCKH; kỹ năng triển khai nghiên cứu đề tài khoa học; kỹ năng trình bày kết quả NCKH; kỹ năng tự kiểm tra, đánh giá kết quả NCKH. Theo đó, quan niệm kỹ năng NCKH của GV KHXH&NV ở các trường sĩ quan trong quân đội là sự vận dụng thuần thục những kiến thức, kỹ xảo, kinh nghiệm và phương thức tiến hành để thực hiện có kết quả các công trình khoa học theo mục tiêu, yêu cầu NCKH đã đề ra.

Xuất phát từ tầm quan trọng của NCKH ở các nhà trường trong quân đội, Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XI đã xác định: "Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, NCKH tại các nhà trường. Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục có trình độ tương xứng với công việc, ngành đào tạo; thực hiện tốt bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ nhà giáo, nhà khoa học qua thực tiễn; có chính sách thu hút nhân tài về các học viện, nhà trường công tác" [3]. Tuy nhiên, kết quả hoạt động NCKH của GV nói chung, trong đó có đội ngũ GV KHXH&NV ở các trường SQQĐ nói riêng gần đây cho thấy, bên cạnh những điểm mạnh đã đạt được vẫn còn tồn tại những hạn chế như: việc vận dụng kỹ năng NCKH của một bộ phận GV KHXH&NV, đặc biệt là GV trẻ vào thực tiễn thiếu linh hoạt, sáng tạo và tính hiệu quả chưa cao; các mục tiêu NCKH đạt được chưa mang lại những biến đổi rõ rệt, GV có kỹ năng NCKH phát triển chưa đồng đều, chưa thuần thục, phát triển ở mức chưa cao. Những hạn chế này thể hiện việc bồi dưỡng, phát triển kỹ năng NCKH cho GV KHXH&NV ở các trường SQQĐ còn thiếu chiều sâu, chưa khoa học.

Nghiên cứu được tiến hành trên 320 GV các chuyên ngành KHXH&NV của bốn trường SQQĐ gồm: Trường Sĩ quan Chính trị (170 GV), Trường Sĩ quan Lục quân 1 (50 GV), Trường Sĩ quan Pháo binh (50 GV) và Trường Sĩ quan Đặc công (50 GV), thời gian từ tháng 10/2020 đến tháng 10/2021. Khảo sát việc tự đánh giá mức độ về kỹ năng NCKH của GV KHXH&NV, từ đó giúp họ nhận thức đúng và có những điều chỉnh phù hợp. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong số 250 GV tham gia khảo sát, chỉ có 31 GV chọn mức độ cao, với tỷ lệ 9,69%, 92 GV chọn mức độ tương đối cao với tỷ lệ 28,75%, trung bình có 147 GV với tỷ lệ 45,94%, tương đối thấp có 36 GV với tỷ lệ 11,25%, còn lại 14 GV chọn đánh giá mức độ thấp với tỷ lệ 4,37%. Như vậy, có hơn 50% mẫu nghiên cứu GV ở các trường SQQĐ tự đánh giá mức độ kỹ năng NCKH từ mức trung bình trở xuống. Chưa đến 50% GV chọn mức độ cao và tương đối cao (tổng hai mức độ này chỉ có 38,44%). Ngay cả đối với từng trường khi khảo sát đánh giá cũng cho kết quả tỷ lệ GV tự đánh giá mức độ kỹ năng NCKH của GV từ trung bình trở xuống đều trên 50% số mẫu nghiên cứu, điều này đồng nghĩa với tỷ lệ của mức cao và tương đối cao còn thấp. Số liệu thống kê cũng khá phù hợp, vì thống kê trong 320 GV ở các trường SQQĐ cho thấy, chất lượng nghiên cứu đề tài NCKH hàng năm chưa cao, phản ánh kỹ năng NCKH còn tồn tại nhiều hạn chế nhất định (kết quả khảo sát thực tế của tác giả từ 10/2020 đến 10/2021). Tiêu biểu cho việc phát triển kỹ năng NCKH của GV KHXH&NV là Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng, hoạt động này được Ban Giám đốc Học viện, cơ quan khoa học, Khoa Giáo viên rất chú trọng quan tâm, có nhiều hình thức, biện pháp để phát triển kỹ năng này của GV như: đầu năm Phòng Khoa học quân sự gửi mẫu đăng ký đề tài, cho GV tự lựa chọn đề tài theo hướng dẫn, tổ chức duyệt thuyết minh đầu vào nghiêm túc, chặt chẽ, đúng quy định.... Hàng năm số lượng GV đăng ký tham gia đề tài NCKH thường vượt chỉ tiêu, đảm bảo về chất lượng các đề tài. Ngoài ra như ở Trường Sĩ quan Lục quân 1, Thường vụ Đảng ủy Ban Giám hiệu nhà trường xác định NCKH là một

tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ cuối năm, Ban Khoa học của nhà trường đã xây dựng kế hoạch NCKH cho GV, tổ chức các hoạt động hội thảo khoa học, tọa đàm ở các khoa giáo viên, đánh giá giờ giảng của GV... Thực trạng này còn cho thấy, so với yêu cầu, nhiệm vụ và dự báo sự phát triển của các nhà trường thời gian tới, hoạt động NCKH của GV KHXH&NV, đặc biệt là GV trẻ còn tồn tại những hạn chế, bất cập; tuy nhiều GV có trình độ sau đại học nhưng ở một số trường, số công trình NCKH được công bố trong nước và quốc tế còn hạn chế, thời gian GV dành cho NCKH còn ít, mặc dù đã có quy định phân bổ thời gian NCKH cho các GV theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [4]. Đặc biệt, ở một số nhà trường chưa thường xuyên coi trọng việc quan tâm bồi dưỡng kỹ năng NCKH cho đội ngũ GV; một số GV có khả năng thích ứng, tiếp cận một số kỹ năng nghiên cứu cơ bản còn hạn chế.

Trên cơ sở khái quát lý luận và thực trạng kỹ năng NCKH của GV KHXH&NV ở các trường SQQĐ, chúng tôi đề xuất 4 biện pháp tâm lý - sư phạm nhằm phát triển, bồi dưỡng kỹ năng NCKH cho GV như sau:

2.2. Củng cố động cơ NCKH đúng đắn cho GV

Đây là biện pháp cơ bản để phát huy nội lực của đội ngũ GV nhằm nâng cao chất lượng hoạt động NCKH nói chung và kỹ năng NCKH nói riêng. Bởi động cơ NCKH đúng đắn sẽ là nguồn gốc phát huy được tính tích cực, tự giác cũng như sự hoàn thiện kỹ năng NCKH của GV. Do đó, củng cố động cơ NCKH đúng đắn là điều kiện cơ bản để nâng cao hiệu quả hoạt động NCKH, nền tảng cho sự phát triển kỹ năng NCKH của GV. Để củng cố động cơ NCKH đúng đắn cho GV KHXH&NV ở các trường SQQĐ cần thực hiện tốt một số nội dung sau:

2.2.1. Phát triển nhu cầu, hứng thú NCKH cho GV

Nhu cầu là cơ sở khách quan, là nguồn gốc để nảy sinh động cơ. Nhu cầu NCKH cũng được hình thành và phát triển trên cơ sở mỗi GV xác định được ý thức trách nhiệm thiêng liêng với Tổ quốc, với Quân đội mà thực hiện một cách tự giác. Bên cạnh đó, nhu cầu NCKH của GV là được nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, khẳng định uy tín, vị thế xã hội cũng như nâng cao đời sống tinh thần cho bản thân. Song song với sự thỏa mãn các nhu cầu cần chú ý đến khơi nguồn hứng thú NCKH cho GV. Bởi trên thực tế, không phải mọi nhu cầu được đáp ứng đều trở thành hứng thú mà hứng thú chỉ nảy sinh trên cơ sở ý nghĩa và sự hấp dẫn. Do đó, trong quá trình NCKH ở các trường SQQĐ cần giải quyết tốt việc tuyển chọn đội ngũ GV đúng chuyên ngành, có hứng thú với hoạt động NCKH, tâm huyết, đam mê và quyết tâm phấn đấu cho nghề giáo với hai chức năng chính là giảng dạy và NCKH; giải quyết tốt nguyện vọng của GV về mọi mặt, nhất là nâng cao kiến thức, bồi dưỡng chuyên môn, tích lũy kinh nghiệm thực tiễn, biểu dương, khuyến khích để mọi GV quyết tâm phục vụ cho sự nghiệp giảng dạy và NCKH ở nhà trường.

2.2.2. Xây dựng niềm tin vững chắc cho đội ngũ GV vào năng lực chuyên môn cũng như năng lực NCKH của bản thân

Để củng cố xu hướng nghề nghiệp quân sự (giảng dạy và NCKH) của GV cần phải xây dựng niềm tin vững chắc cho họ vào năng lực của bản thân. Bởi khi có niềm tin thì GV mới có động lực mạnh mẽ để thực hiện tốt nhiệm vụ, chức trách được giao. Đặc biệt, hoạt động NCKH ở môi trường quân sự, với những tính chất đặc thù, đòi hỏi người GV phải quyết tâm, dám nghĩ, dám làm. Kỹ năng hoạt động chuyên môn nói chung, kỹ năng NCKH nói riêng chỉ đạt được mức độ thành thạo khi đã trải qua quá trình rèn luyện thường xuyên, liên tục, bền bỉ, khắc phục mọi khó khăn. Như vậy, củng cố động cơ NCKH đúng đắn là nền tảng vững chắc để không ngừng hoàn thiện chuyên môn nghiệp vụ nói chung cũng như phát triển kỹ năng NCKH của GV ở các trường SQQĐ nói riêng.

2.3. Tiếp tục bồi dưỡng, bổ sung kiến thức chuyên ngành, liên ngành cho GV

Đây là biện pháp có ý nghĩa quan trọng trong quá trình phát triển kỹ năng NCKH của GV KHXH&NV ở các trường SQQĐ, vì kỹ năng phải dựa trên cơ sở lý thuyết là kiến thức, đồng thời kiến

thức là một trong những thành tố, điều kiện để hình thành kỹ năng. Sự thấu hiểu về mục đích NCKH, nắm vững những cách thức cần thiết, điều kiện để triển khai mục đích đó là điều kiện cơ bản của kỹ năng NCKH.

Bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành, liên ngành sẽ là cơ sở nền tảng giúp GV thành thạo trong thao tác, trình tự các bước thực hiện và giải quyết hiệu quả hoạt động NCKH. Thường xuyên cập nhật, bổ sung kiến thức chuyên ngành, liên ngành giúp GV trong quá trình nghiên cứu nhanh chóng phát hiện ra nội dung, bản chất, quy luật của vấn đề, biết định ra mục đích và cách thức tiến hành, cách thức giải quyết vấn đề mới trong quá trình nghiên cứu. Do đó, việc bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành, liên ngành như là một biện pháp quan trọng hàng đầu để nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn cũng như phát triển kỹ năng NCKH của GV trẻ ở các trường SQQĐ.

Đồng thời, để kỹ năng NCKH của GV đạt được ở mức độ cao cần được trang bị những kiến thức, nội dung liên quan đến kỹ năng về phương pháp NCKH. Nắm chắc những kiến thức này, biết vận dụng một cách sáng tạo vào hoạt động NCKH sẽ là điều kiện quan trọng góp phần nâng cao chất lượng NCKH nói chung cũng như phát triển kỹ năng NCKH nói riêng. Hơn nữa, hoạt động NCKH của GV KHXH&NV ở các trường SQQĐ diễn ra trong môi trường quân sự, chịu sự tác động, ảnh hưởng của nhiều yếu tố như tình cảm, hứng thú, nhu cầu, ý chí, lý tưởng, niềm tin... mới giải quyết tốt các vấn đề nghiên cứu đặt ra. Trong thời đại ngày nay, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 phát triển mạnh mẽ, đòi hỏi GV cần nắm vững được hệ thống kiến thức, có tính chất là chìa khóa để từ đó có thể vận dụng một cách phù hợp trong quá trình NCKH của bản thân. NCKH không chỉ là xem xét, điều tra hoặc thử nghiệm mà quan trọng nhất là sáng tạo, tìm tòi, khám phá ra cái mới.

Bên cạnh đó, để phát triển kỹ năng NCKH thì GV KHXH&NV ở các trường SQQĐ, nhất là đội ngũ GV trẻ cần được trang bị cơ bản, chuyên sâu, hệ thống những kiến thức về phương pháp NCKH, kiến thức về cách thức tổ chức, các giai đoạn tiến hành hoạt động NCKH... Những kiến thức này giúp GV hoàn thiện những kỹ năng NCKH trên cơ sở biết tổ chức một cách hiệu quả hoạt động nghiên cứu. Đồng thời, kỹ năng NCKH chỉ có thể phát huy nếu quá trình NCKH được GV biết sử dụng phương pháp tích cực, biết lựa chọn và vận dụng những nội dung, hình thức tổ chức nghiên cứu hợp lý.

2.4. Rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức, kỹ xảo, kinh nghiệm trong nghiên cứu cho GV thông qua các hình thức hoạt động NCKH

Đây là biện pháp quan trọng, vì kỹ năng NCKH là một bộ phận hợp thành năng lực sư phạm của GV. Kỹ năng NCKH của GV trẻ được hình thành, củng cố và phát triển thông qua thực tiễn quá trình hoạt động dạy học và các hình thức hoạt động NCKH. Tham gia vào các hình thức hoạt động NCKH, GV KHXH&NV ở các trường SQQĐ được rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức, kỹ xảo, kinh nghiệm trong nghiên cứu, tạo cơ sở hình thành và phát triển kỹ năng NCKH. Để phát huy được hiệu quả của biện pháp này cần tổ chức tốt các hoạt động sau:

2.4.1. Giao nhiệm vụ kết hợp với động viên, khích lệ GV, đặc biệt đội ngũ GV trẻ viết các bài báo khoa học

Đây là cách thức rèn luyện cơ bản, phù hợp với điều kiện hoạt động giảng dạy và NCKH của GV ở các trường SQQĐ. Mục đích của hình thức này giúp họ rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức, kỹ xảo, kinh nghiệm trong nghiên cứu; đồng thời củng cố, mở rộng, tiếp thu kiến thức chuyên ngành, hình thành tính tích cực, chủ động, sáng tạo. Qua đó giúp GV nắm vững các kỹ năng NCKH. Để rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức, kỹ xảo, kinh nghiệm trong nghiên cứu cho GV đạt kết quả, đòi hỏi cán bộ chủ trì các khoa giáo viên khi giao nhiệm vụ viết các bài báo khoa học phải làm tốt công tác định hướng nghiên cứu những vấn đề sát với điều kiện hoạt động sư phạm, khả năng và trình độ nhận thức của họ.

2.4.2. Tổ chức seminar, tọa đàm, sinh hoạt khoa học, sinh hoạt chuyên môn

Đây hình thức rèn luyện cơ bản thông qua trao đổi giữa các GV trong Khoa Giáo viên theo

những chủ đề khoa học nhất định dưới sự chỉ đạo của cán bộ, GV có nhiều kinh nghiệm nghiên cứu. Thông qua hình thức này sẽ rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức, kỹ xảo, kinh nghiệm trong nghiên cứu cho GV, nhất là đội ngũ GV trẻ đạt hiệu quả. Để phát huy vai trò, hiệu quả của seminar, tọa đàm và sinh hoạt khoa học trong quá trình rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức, kỹ xảo, kinh nghiệm trong nghiên cứu cho GV đòi hỏi các Khoa Giáo viên phải chủ động xây dựng, thiết kế chủ đề seminar, tọa đàm khoa học bám sát vào nhiệm vụ, tính chất, chuyên ngành giảng dạy và điều kiện nghiên cứu của GV ở các trường SQQĐ.

2.4.3. Tổ chức cho GV chuẩn bị và thực hành nghiên cứu các đề tài khoa học

Đây là hình thức quan trọng giúp rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức, kỹ xảo, kinh nghiệm trong nghiên cứu và rèn luyện các kỹ năng NCKH cho GV đạt kết quả tốt nhất. Thông qua đó, GV sẽ hình thành, củng cố và phát triển toàn diện, đầy đủ các kỹ năng NCKH dưới sự hướng dẫn của cán bộ, GV có kinh nghiệm ở các khoa giáo viên. Để phát huy vai trò của hình thức này cần tập trung vào các bước: Định hướng vấn đề nghiên cứu cho GV cần bám sát chương trình môn học, hướng dẫn cho họ lựa chọn vấn đề, xây dựng đề cương công trình nghiên cứu, thu thập, xử lý các tài liệu, thực hành viết đề cương, trình bày kết quả nghiên cứu, đánh giá kết quả và rút kinh nghiệm quá trình NCKH của GV.

2.4.4. Tổ chức hội thi, hội nghị khoa học, các hình thức giao lưu khoa học cho GV tham gia

Việc tổ chức các hội thi, hội nghị khoa học tạo ra môi trường để GV, nhất là đội ngũ GV trẻ học tập, củng cố và phát triển hệ thống kỹ năng NCKH. Các hoạt động này được tổ chức thường xuyên, khoa học, thiết thực là điều kiện thuận lợi để GV có cơ hội học tập trao đổi và tích lũy kinh nghiệm hoạt động khoa học cho bản thân. Mặt khác, kỹ năng NCKH là kết quả hợp thành của nhiều nhân tố trong đó tri thức, kỹ xảo NCKH là hai yếu tố cơ bản, giữ vai trò rất quan trọng. Tri thức, kỹ xảo nghiên cứu nếu được trao đổi, phổ biến rộng rãi giữa các GV sẽ làm cho quá trình rèn luyện kỹ năng NCKH của GV diễn ra nhanh và đạt chất lượng, hiệu quả cao. Việc tổ chức giao lưu, trao đổi kinh nghiệm giữa các GV trong nhà trường về kỹ năng NCKH phải căn cứ vào điều kiện cụ thể của đơn vị, các khoa giáo viên để tiến hành cho phù hợp.

2.4.5. Tổ chức mời các chuyên gia bồi dưỡng kỹ năng NCKH cho GV

Đây là hình thức bồi dưỡng nhanh và hiệu quả cao giúp hình thành cho GV, trong đó có GV trẻ những kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng NCKH cơ bản, hệ thống, phong phú và vững chắc. Việc mời các chuyên gia bồi dưỡng kỹ năng NCKH cho GV cần lựa chọn các nhà khoa học có uy tín và kinh nghiệm nghiên cứu. Vì vậy, cần tiến hành theo hướng kết hợp mời cả các chuyên gia của nhà trường, quân đội và chuyên gia ngoài quân đội. Các chuyên gia đó sẽ có những ý kiến đóng góp, giúp cho kỹ năng NCKH của GV ngày càng phát triển hơn, qua đó cũng học hỏi được kinh nghiệm, phương pháp nghiên cứu của các chuyên gia.

2.5. Phát huy tính tích cực, tự giác và sáng tạo của GV trong tự rèn luyện kỹ năng NCKH

Tâm lý được hình thành trong hoạt động và hoạt động làm nảy sinh tâm lý con người. Như vậy, tự rèn luyện là một trong những hình thức mang tính độc lập, sáng tạo nhằm lĩnh hội, củng cố và vận dụng kiến thức, kỹ xảo, kinh nghiệm, phát triển kỹ năng. Tự rèn luyện kỹ năng NCKH là con đường quan trọng có ý nghĩa quyết định trực tiếp đến sự hình thành và phát triển kỹ năng NCKH cho GV, đó cũng chính là quá trình khách thể hóa đối tượng để từ đó làm biến đổi, phát triển chính bản thân. Tự rèn luyện kỹ năng NCKH sẽ giúp mỗi GV không ngừng củng cố và nâng cao kiến thức, vận dụng kiến thức, kỹ xảo và kinh nghiệm trong thực tiễn nghiên cứu; giúp họ tự nhận thấy mức độ phát triển kỹ năng NCKH hiện có của bản thân. Đồng thời, phát huy tính tự giác, tích cực và sáng tạo của GV ở các trường SQQĐ trong quá trình tự rèn luyện kỹ năng NCKH phải trở thành nhu cầu, động lực bên trong của mỗi người, khơi dậy được tư duy độc lập, sáng tạo của họ trong quá trình tự rèn luyện kỹ năng NCKH. Ngoài ra, kết quả hoạt động rèn luyện kỹ năng NCKH cho GV ở các trường SQQĐ chỉ đạt được và bền vững khi những tác động rèn luyện từ bên ngoài được họ lĩnh hội đầy đủ

và chuyển hóa thành nhu cầu, động cơ, mục đích hoạt động của bản thân. Để thực hiện biện pháp này, cần thực hiện tốt những yêu cầu sau:

2.5.1. Tiếp tục nâng cao nhận thức cho GV, đặc biệt đội ngũ GV trẻ về vị trí, ý nghĩa của hoạt động tự rèn luyện kỹ năng NCKH

Công tác giáo dục củng cố, nâng cao nhận thức phải góp phần hình thành nhu cầu, động cơ và ý thức đúng đắn cho GV trong quá trình tự rèn luyện, hoàn thiện kỹ năng NCKH; khơi dậy và phát huy được tính tích cực, tự giác, độc lập, sáng tạo của họ. Từ đó biến quá trình rèn luyện thành quá trình tự rèn luyện, tạo ra sự nỗ lực, cố gắng cao trong học tập, rèn luyện kỹ năng NCKH cho GV. Cấp ủy, chỉ huy các cấp trong nhà trường cần làm tốt công tác giáo dục, quán triệt mục tiêu, yêu cầu chuẩn hóa đội ngũ GV trong nhà trường cho GV, hình thành mục tiêu phấn đấu và tạo động lực thúc đẩy họ tích cực, chủ động hoàn thiện kỹ năng NCKH của bản thân. Ngoài ra, cần quan tâm lãnh đạo và tạo điều kiện khuyến khích GV trong quá trình tự học, tự rèn nâng cao kỹ năng NCKH.

2.5.2. Phát huy vai trò của đội ngũ GV có kinh nghiệm và cán bộ các khoa giáo viên trong quá trình tự rèn luyện kỹ năng NCKH của GV

Kỹ năng NCKH của đội ngũ GV có kinh nghiệm và cán bộ các khoa có ảnh hưởng quan trọng đến tính tích cực, tự giác rèn luyện kỹ năng NCKH của GV. Vì vậy, cấp ủy, chỉ huy các khoa cần tập trung xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH, rèn luyện hệ thống kỹ năng NCKH cho GV, nhất là GV trẻ. Ngoài ra, tập trung duy trì nghiêm kỷ luật trong NCKH, làm cho việc tự rèn luyện kỹ năng NCKH của GV trở thành nền nếp trên tinh thần tự giác nghiêm minh. Đội ngũ GV có kinh nghiệm, cán bộ chủ trì các khoa giáo viên và cán bộ quản lý các cấp thường xuyên bám sát thực tiễn hoạt động tự rèn luyện của GV; động viên, đánh giá đúng kết quả rèn luyện kỹ năng NCKH của họ; có biện pháp điều chỉnh kịp thời và phù hợp.

2.5.3. Các lực lượng sư phạm nhà trường cần định hướng việc lựa chọn nội dung, hình thức và phương pháp tự rèn luyện cho GV về kỹ năng NCKH

Về nội dung của từng kỹ năng trong hệ thống kỹ năng NCKH cần rèn luyện cho GV phát triển ổn định và bền vững, đáp ứng yêu cầu, đặc điểm lao động sư phạm của GV ở các trường SQQĐ. Ngoài ra, định hướng cho GV vận dụng linh hoạt các hình thức, phương pháp tự rèn luyện kỹ năng NCKH phù hợp với năng lực, sở trường của từng cá nhân. Những định hướng đó sẽ giúp cho hoạt động NCKH của GV đi đúng hướng, không lệch sang các vấn đề khác, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2.5.4. Thường xuyên quan tâm, tạo điều kiện về vật chất và tinh thần cho GV tham gia hoạt động NCKH

Chất lượng hoạt động NCKH nói chung và mức độ hình thành kỹ năng NCKH của GV nói riêng phụ thuộc nhiều vào nhu cầu, hứng thú đối với hoạt động NCKH của họ. Các điều kiện vật chất, tinh thần được bảo đảm thuận lợi giúp cho GV hình thành động lực, yên tâm công tác, tích cực, chủ động, sáng tạo và trách nhiệm cao trong hoạt động NCKH, không bị phân tán bởi các yếu tố tiêu cực. Ngoài ra, cần quan tâm đến quá trình nghiên cứu của GV để kịp thời giúp họ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khích lệ họ khi kết quả nghiên cứu đạt được tiến bộ khả quan. Ghi nhận và đánh giá kịp thời, khách quan, chính xác kết quả nghiên cứu của GV sẽ làm cho họ nhận thức được trách nhiệm của bản thân; từ đó, họ tự giác rèn luyện kỹ năng NCKH để đạt tới các kết quả nghiên cứu có chất lượng cao hơn, hoàn thiện hơn.

3. Kết luận

Bồi dưỡng kỹ năng NCKH cho GV KHXH&NV ở các trường SQQĐ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục, đào tạo, yêu cầu xây dựng đội ngũ nhà giáo là vấn đề vừa có ý nghĩa cấp bách, vừa có ý nghĩa cơ bản, lâu dài, đòi hỏi phải được quan tâm thực hiện thường xuyên, liên tục. Đồng thời, chất lượng

hoạt động NCKH của GV phụ thuộc rất lớn vào kỹ năng NCKH của họ. Từ việc khái quát thực trạng kỹ năng NCKH của GV KHXH&NV ở các trường SQQĐ, bài viết đã đề xuất 4 biện pháp bồi dưỡng kỹ năng NCKH cho GV KHXH&NV ở các trường SQQĐ. Mỗi biện pháp đều có cơ sở khoa học và có vị trí, vai trò riêng. Song các biện pháp luôn có mối quan hệ biện chứng tác động qua lại với nhau, thực hiện tốt biện pháp này là cơ sở, tiền đề thực hiện các biện pháp tiếp theo. Trong quá trình tổ chức thực hiện cần thấy được sự phong phú, đa dạng của thực tiễn, yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra. Việc nghiên cứu, quán triệt, vận dụng linh hoạt và đồng bộ những biện pháp này sẽ góp phần phát triển kỹ năng NCKH cho GV, đáp ứng yêu cầu thực tiễn nhiệm vụ NCKH của GV KHXH&NV ở các trường sĩ quan trong quân đội hiện nay.

Tài liệu tham khảo

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
 [2] Quốc hội (2013), *Luật Khoa học và Công nghệ*, Luật số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013.
 [3] Tổng cục Chính trị (2020), *Tài liệu học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân đội lần thứ XI nhiệm kỳ 2020-2025*, Hà Nội.
 [4] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học*.
 [5] Ban Chấp hành Trung ương (2012), *Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
 [6] Thủ tướng Chính phủ (2014), *Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 quy định về việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học*.
 [7] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ngày 30/05/2011 về việc ban hành quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học*.

BẠO LỰC NGÔN TỪ TRÊN MẠNG XÃ HỘI Ở VIỆT NAM...

Tiếp theo trang 44

5. Kết luận

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với hệ thống Internet đã nâng cao chất lượng cuộc sống của con người về mọi mặt nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức như hành vi bạo lực ngôn từ trên mạng xã hội với những ảnh hưởng tiêu cực đến cả sức khỏe tâm lý và thể chất của người sử dụng mạng. Bài viết đã nghiên cứu khái quát về bạo lực ngôn từ trên mạng xã hội, thực trạng hiện tượng này ở Việt Nam hiện nay, trên cơ sở đó đưa ra một số biện pháp để hạn chế những hành vi này, góp phần giúp việc xây dựng môi trường mạng xã hội ở Việt Nam an toàn, lành mạnh.

Tài liệu tham khảo

[1] UNICEF, *Thông cáo báo chí: “Kết quả khảo sát ý kiến của UNICEF: Hơn một phần ba thanh thiếu niên ở 30 quốc gia cho biết đã từng là nạn nhân bị bắt nạt trên mạng”*. Nguồn: <https://www.unicef.org/vietnam/vi/th%C3%B4ng-c%C3%A1o-b%C3%A1o-ch%C3%AD/k%E1%BA%Bft-qu%E1%BA%A3-kh%E1%BA%A3o-s%C3%A1t-%C3%BD-ki%E1%BA%Bfn-c%E1%BB%A7a-unicef-h%C6%A1n-m%E1%BB%99t-ph%E1%BA%A7n-ba-thanh-thi%E1%BA%BFu-ni%C3%AAn-%E1%BB%9F-30-qu%E1%BB%91c-gia>, truy cập ngày 15/01/2022.
 [2] Mi Ly, *Người Việt kém văn minh trên mạng?*. Nguồn: <https://tuoitre.vn/nguoi-viet-kem-van-minh-tren-mang-20200223220019317.htm>, truy cập ngày 15/01/2022.
 [3] Fil Santé Jeunes, *Bạo lực ngôn ngữ: khi lời nói gây tổn thương*. Nguồn: <https://www.filsantejeunes.com/les-violences-verbales-5664>, truy cập ngày 20/1/2022.
 [4] Thế giới số, *Bạo lực ngôn ngữ môi trường Internet: đi tìm những mẫu số chung*. Nguồn: <https://tgs.vn/phong-cach-song/bao-luc-ngon-ngu-moi-truong-Internet-di-tim-nhung-mau-so-chung/>, truy cập ngày 16/01/2022.
 [5] Sóng trẻ, *Bạo lực “ngôn từ” trên mạng xã hội: giải pháp nào để thoát khỏi cuộc chiến*. Nguồn: <https://www.songtre.com.vn/bao-luc-%E2%80%9Cngon-tu%E2%80%9D-tren-mang-xa-hoi-giai-phap-nao-de-thoat-khoi-cuoc-chien-p19013.html>, truy cập ngày 15/01/2022.
 [6] Thương hiệu và Pháp luật, *Social Talk: Bạo lực ngôn từ trên mạng – những cuộc hành hung đổ máu*. Nguồn: <https://thuonghieuvaphapluat.vn/social-talk-bao-luc-ngon-tu-tren-mang--nhung-cuoc-hanh-hung-khong-do-mau-vz13135.html>, truy cập ngày 16/01/2022.